

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 22/2000/QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Về việc ban hành Biểu mức thu phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/11/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Điều 13, Điều 14 Quy định về hệ thống tổ chức, thanh tra chuyên ngành, giải quyết tranh chấp và lệ phí, phí tổn về công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật ban hành kèm theo Nghị định số 92/CP ngày 27/11/1993 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

Sau khi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật thu bằng tiền Việt Nam. Trường hợp mức thu quy định bằng Đô la Mỹ (USD) thì quy đổi từ USD ra tiền Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền; nếu tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu nộp phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng USD theo mức thu quy định.

Điều 2. Đối tượng nộp phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo mức thu quy định tại Điều 1 Quyết định này là các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp không phải nộp phí, lệ phí sau đây:

- Kiểm dịch sản phẩm thực vật xách tay sử dụng trong thời gian đi đường.
- Kiểm dịch bó hoa, vòng hoa theo nghi thức ngoại giao khi xuất nhập cảnh.

3.Kiểm dịch lô giống cây trồng có khối lượng nhỏ dùng cho nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật (không vì mục đích kinh doanh) theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Riêng dịch vụ phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật tại hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã sẽ có quy định riêng.

Điều 3.Cơ quan thu phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật được trích tiền phí, lệ phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để phục vụ hoạt động bảo vệ, kiểm dịch thực vật và việc tổ chức thu phí, lệ phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp, nhưng mức trích tối đa không quá 80% (tám mươi phần trăm) số tiền phí, lệ phí thu được; số tiền còn lại (tối thiểu 20%) phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Cơ quan thu phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tổ chức thu, kê khai thu, nộp, quản lý sử dụng và quyết toán phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo đúng quy định tại Thông tư số 54/1999/TT-BTC ngày 10/5/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 4.Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định về phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật trái với Quyết định này.

Điều 5.Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí, lệ phí bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BIỂU MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(ban hành kèm theo Quyết định số 22/2000/QĐ-BTC

ngày 21/12 /2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

1. Lệ phí thẩm định, cấp giấy phép nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hành nghề khử trùng

1. Thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mức thu một lần cấp	
		Tổ chức, cá nhân trong	Tổ chức, cá nhân nước ngoài và người

		nước, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000 đồng)	Việt Nam định cư ở nước ngoài, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (USD)
1	Thẩm định và cấp giấy đăng ký, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật diện hẹp	600	150
2	Thẩm định và cấp giấy đăng ký khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật diện rộng	1.000	200
3	Thẩm định và cấp giấy đăng ký chính thức thuốc bảo vệ thực vật	3.000	500
4	Cấp giấy đăng ký bổ sung thuốc bảo vệ thực vật (mỗi dạng bổ sung)	600	150

5	Thẩm định cấp giấy tái dẫn~ơ kỹ thuốc bảo vệ thực vật và gia hạn giấy phép đăng ký	600	150 500
6	Thẩm định điều kiện kỹ thuật và cấp giấy nhận điều kiện sản xuất, gia công, sang chai đóng gói	2.000	
7	thuốc bảo vệ thực vật	500	Theo quy định
8	Thẩm định điều kiện kỹ thuật và cấp giấy hành nghề kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	500	riêng
	Thẩm định và cấp giấy phên đăng ky hành nghề bảo vệ thực vật		Theo quy định riêng

2. Cấp giấy phép hànhnghề khử trùng:

Chỉ tiêu	Mức thu một lần cấp (1.000đồng)
1. Tự khử trùng vật thể của mình	1.000
2. Khử trùng hàng nội địa	1.500
3. Khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu	2.500

Giấy phép hành nghề khử trùng có thời hạn là 5 năm. Khi giấy phép hết hạn, cấp lại giấy mới thì thu bằng 50% mức thu lần đầu.

II . **Phí kiểm định thuốc bảo vệ thựcvật và kiểm dịch thực vật:**

1. Kiểm định thuốc bảovệ thực vật:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mức thu	
		Tổ chức, cá nhân trong nước, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000 đồng)	Tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (USD)
1	Kiểm định và cấp giấy chứng nhận chất lượng thuốc bảo vệ thực vật (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật xuất nhập khẩu):		
	a) Phân tích định lượng thuốc bảo o vệ thực vật	200/1 hoạt chất (hoặc 1 tạp chất)	30/1 hoạt chất (hoặc 1 tạp chất)
	b) Phân tích định tính thuốc bảo vệ thực vật	400/1 tạp chất	60/1 tạp chất
	c) Phân tích cả định tính và định lượng thuốc bảo vệ thực vật	550/1 hoạt chất	80/1 hoạt chất
	d) Phân tích định lượng thuốc thảo mộc		
	hoặc thuốc có hoạt chất validamicin A	300/1 hoạt chất	50/1 hoạt chất
	hoặc thuốc chuột		
	e) Xác định tính chất hóa lý:	200/1 chỉ tiêu	30/1 chỉ tiêu
	- Tỷ suất lơ lửng hoặc độ bền trong bảo quản:	50/1 chỉ tiêu	8/1 chỉ tiêu
	- Các tính chất khác		